TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST Ngày 27 tháng 04 năm 2023 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hanh

2. Ông Nguyễn Công Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 04 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Y, sinh năm 1991. HKTT: Thôn Q, xã Ngọc S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã LP, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nghiêm Văn T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Q, xã Ngọc S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thì nguyên đơn là Hà Thị Y trình bày: Chị kết hôn với anh Nghiêm Văn T ngày 21/11/2012. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống bình thường trong năm đầu tiền sau đó anh T đi xuất khẩu lao động 03 năm. Sau khi anh T trở về nước, vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, anh T đã có thời gian có quan hệ với người phụ nữ khác. Gia đình hai bên đã khuyên bảo hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Nghiêm Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nghiêm Trà M, sinh ngày 19/6/2013 và Nghiêm Đức D, sinh ngay 03/7/2018. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Nếu không được nuôi cả hai con chung thì chị yêu cầu được nuôi cháu Nghiêm Đức D vì cháu vẫn còn nhỏ, còn anh T nuôi dưỡng con chung Nghiêm Trà M. Về đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị đang làm nghề tự do (Tóc và spa). Thu nhập bình quân là 15.000.000 đồng/tháng, mức thu nhập này đủ chăm lo cho cuộc sống của chị và hai con. Trong thời gian vợ chồng ly thân thì anh T không cấp dưỡng nuôi con, một mình chị vẫn lo đầy đủ cho các con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nghiêm Văn T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Anh kết hôn với chị Hà Thị Y ngày 21/11/2012. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc S. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau 10 năm đã nhiều lần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Vợ chồng đã ly thân được mấy tháng nay. Gia đình hai bên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Y yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nghiêm Trà M, sinh ngày 19/6/2013 và Nghiêm Đức D, sinh ngày 03/7/2018. Hiện nay hai con chung đang ở với chị Y. Vợ chồng ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm nghề lái xe tự do. Thu nhập bình quân của anh khoảng từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng/tháng. Cháu Trà My có nguyện vọng được ở với anh thì anh đồng ý. Nếu không được nuôi dưỡng cả hai con chung thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nghiêm Đức D, còn chị Y nuôi dưỡng cháu Nghiêm Trà M. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Y và anh Nghiêm Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nghiêm Đức D, sinh ngày 03/7/2018 cho chị Hà Thị Y nuôi dưỡng. Giao cháu Nghiêm Trà M, sinh ngày 19/6/2013 cho anh Nghiêm Văn T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Hà Thị Y khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nghiêm Văn T. Anh Nghiêm Văn T có nơi cư trú tại địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc có mặt các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Y và anh Nghiêm Văn T kết hôn ngày 21/11/2012. Có đăng ký kết hôn ở UBND xã Ngọc S, huyện hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của chị Y, anh T thì xác định được trong quá trình chung sống, chị Y và anh T có phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng hiện không còn chung sống với nhau. Chị Y yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Y và anh Nghiêm Văn T (theo Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình).

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nghiêm Trà M, sinh ngày 19/6/2013 và Nghiêm Đức D, sinh ngày 03/7/2018. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị Y. Vợ chồng ly hôn chị Y và anh T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Nếu không được nuôi dưỡng cả hai con chung thì chị Y yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nghiêm Đức D, anh T cũng yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nghiêm Đức D. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu Duy còn nhỏ, không thể tự chăm sóc bản thân nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Anh T lại làm nghề lái xe tự do, giờ giấc không ổn định. Cháu My có nguyện vọng được ở với anh T. Vì vậy, để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường nên cần giao con chung là cháu Nghiêm Đức D, sinh ngày 03/07/2018 cho chị Hà Thị Y nuôi dưỡng, giao con chung là cháu Nghiêm Trà M, sinh ngày 19/6/2013 cho anh Nghiêm Văn T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Y và anh Nghiêm Văn T.

2, Về con chung: Giao con chung là cháu Nghiêm Đức D, sinh ngày 03/07/2018 cho chị Hà Thị Y nuôi dưỡng, giao con chung là cháu Nghiêm Trà M, sinh ngày 19/6/2013 cho anh Nghiêm Văn T nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3, Về án phí: Chị Hà Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí DSST không có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012135 ngày 16/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4, Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Ngọc S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Chuyền